TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Anh Đào.
2. Bà Bùi Thị Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Ngày 26-9-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị D, sinh năm 1989.

Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1988 (Vắng mặt lần thứ hai không lý do).

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị Ngô Thị D trình bày:

Vào năm 2009, chị D và anh H có tổ chức đám cưới, sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành B. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Trương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 09-9-2010.

Thời gian đầu chung sống thì có hạnh phúc, đến khoảng năm 2013 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày anh H không quan tâm đến vợ con, thường xuyên tụ tập đi uống rượu với bạn bè, khi đi nhậu về thì anh H thường xuyên đánh đập chị D. Chị D có khuyên anh H rất nhiều lần và chị D cũng đã cho anh H rất nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh H vẫn không sửa đổi tính tình nên chị D đã bỏ đi Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân và vợ chồng đã ly thân khoảng hai năm nay. Nhận thấy tình cảm đã bị rạn nứt không thể hàn gắn lại được có sống chung cũng không còn hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn:

- Về hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn H.

- Về con chung: Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con (hiện cháu Huỳnh Như đang sống chung với chị D và cháu Như cũng có nguyện vọng là được sống chung với chị D).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo văn bản ý kiến ngày 16-5-2019 và tại phiên hòa giải ngày 24-5-2019 anh Trương Văn H trình bày: Vào năm 2009, anh H và chị D có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thành B. Vợ chồng có 01 con chung tên là Trương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 09-9-2010. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng anh H cũng có phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống vợ chồng, anh H thừa nhận vào khoảng thời gian vợ chống sống chung anh H có thường xuyên đi uống rượu và có những hành động không tốt với chị D, có lần khi nhậu về anh có đánh chị D nên chị D đã bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, vợ chồng đã ly thân khoảng gần hai năm nay, nhưng anh còn thương vợ thương con muốn chị D cho anh cơ hội để sửa chửa những khuyết điểm của bản thân, nên nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh không thống nhất ly hôn với chị D. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh H có ý kiến:

- Về con chung: Anh H đồng ý để chị Diễm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 09-9-2010, anh H không tự nguyện cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết,

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Riêng đối với bị đơn anh Trương Văn H vắng mặt lần thứ hai, không có lý do, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt anh H là đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh H đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Văn H là đúng theo quy định tại các Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị Ngô Thị D và anh Trương Văn H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thành B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, hôn nhân giữa chị D và anh H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị D và anh H xác nhận trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh H không quan tâm đến vợ con, thường xuyên tụ tập đi uống rượu với bạn bè, chị D có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H vẫn không sửa đổi. Khi đi nhậu về thì anh H lại có những hành

động đánh đập chị D, tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, nên chị D và anh H đã ly thân gần hai năm nay.

Đồng thời, vào ngày 02-7-2019 chị D có đơn xin xác nhận tình cảm giữa chị D và anh H được ông Đinh Văn Dương là phó trưởng ấp 1, xã Tân Thành B xác nhận như sau: "…*Trong mấy năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng trong những năm sau đó, giữa hai vợ chồng thường xuyên xãy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân đổ vỡ. Từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng chị D và anh H đã sống ly thân"* (Có xác nhận của UBND xã Tân Thành B).

Nên xét thấy, hôn nhân giữa chị D và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, có sống chung cũng không hạnh phúc, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh H có 01 con chung tên là Trương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 09-9-2010 (hiện cháu Huỳnh Như đang sống chung với chị D và cháu Như cũng có nguyện vọng là được sống chung với chị D). Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của anh H cũng thống nhất để cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Như, anh H không tự nguyện cấp dưỡng cho con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nghĩ nên giao con chung tên là Trương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 09-9-2010 cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng chị D không có yêu cầu, anh H không tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị D phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các điều 9, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị D và anh Trương Văn H được ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Ngô Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trương Thị Huỳnh Như, sinh ngày 09-9-2010 (hiện cháu Huỳnh Như đang sống chung với chị D và cháu Như cũng có nguyện vọng là được sống chung với chị D). Anh Trương Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu và anh H cũng không tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Chị Ngô Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BH/2017/0008048 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Như vậy, chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Văn H không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26-9-2019). Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã Tân Thành B;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Cư